

*Bản án số 69/2018/HNGĐ-ST
Ngày 25 tháng 10 năm 2018
V/v “Tranh chấp ly hôn và nuôi con”*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Khắc Tường**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Huỳnh Thanh Trà**

2. Ông **Phạm Xoa**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Anh Đào** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu tham gia phiên tòa: Bà **Hà Thị Thu Hiếu** - Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 10 năm 2018, Tại Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 147/2018/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2018 về việc “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

** Nguyên đơn:* Bà **Phạm Thị Thúy Hg** - sinh năm 1977 (Có mặt);

** Bị đơn:* Ông **Trương Ngọc H** - sinh năm 1984 (Vắng mặt);

Cùng cư trú: K90... đường Đ, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn vào ngày 15 tháng 3 năm 2018, nguyên đơn bà Phạm Thị Thúy Hg trình bày:*

1. Về quan hệ hôn nhân:

Bà Phạm Thị Thúy Hg và ông Trương Ngọc H kết hôn với nhau vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại địa chỉ K90...đường Đ, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống thì phát sinh mâu thuẫn do ông H có quan hệ tình cảm với người khác. Bà Hg cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng và hiện tại bà không còn tình cảm với ông H nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn.

2. Về quan hệ nuôi con chung:

Bà Phạm Thị Thúy Hg và ông Trương Ngọc H có 01 con chung là cháu Trương Ngọc Huy Hg , sinh ngày 26 tháng 2 năm 2011. Ly hôn bà có quyền vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

3. Về quan hệ tài sản:

Bà Phạm Thị Thúy Hg không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đồng thời xác nhận vợ chồng bà không có nợ chung.

Tại phiên tòa, bà Phạm Thị Thúy Hg giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình.

Đối với bị đơn là ông Trương Ngọc H, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt giấy triệu tập và các văn bản tố tụng khác hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng trong suốt quá trình tiến hành tố tụng cũng như tại phiên tòa.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến cho rằng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng. Về nội dung, Kiểm sát viên đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Thúy Hg và ông Trương Ngọc H tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Do đó, hôn nhân của ông bà là hợp pháp, được Nhà nước công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu được ly hôn của bà Hg đối với ông H, Hội đồng xét xử thấy rằng: Sau thời gian chung sống giữa vợ chồng ông bà đã phát sinh mâu thuẫn do ông H có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Mâu thuẫn kéo dài làm cho hôn nhân không đạt được mục đích. Ông H đã vi phạm nghĩa vụ làm chồng, làm cha. Cuộc sống vợ chồng rơi vào bế tắc, đời sống chung không thể kéo dài nên cần áp dụng điều 56 Luật hôn nhân và gia đình để xử cho bà Phạm Thị Thúy Hg được ly hôn với ông Trương Ngọc H.

2. Về quan hệ nuôi con chung: Bà Phạm Thị Thúy Hg và ông Trương Ngọc H có 01 con chung là cháu Trương Ngọc Huy Hg , sinh ngày 26 tháng 2 năm 2011. Xét yêu cầu của bà Hg về việc được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử thấy rằng cháu Hg hiện còn rất nhỏ nên cần sự chăm sóc trực tiếp của người mẹ để cho cháu phát triển thể chất và tinh thần một cách bình thường. Ngoài ra việc ông H liên tục vắng mặt tại Tòa án thể hiện sự bỏ mặc gia đình con cái của ông. Do đó Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu về con chung của bà Hg.

3. Về quan hệ tài sản: Bà Phạm Thị Thúy Hg không yêu cầu Tòa án giải quyết đồng thời xác định vợ chồng không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Bị đơn là ông Trương Ngọc H mặc dù đã được Tòa án tổng đạt giấy triệu tập và các văn bản tố tụng khác hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng trong suốt quá trình tiến

hành tố tụng cũng như tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đối với ông H.

* Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) bà Phạm Thị Thúy Hg phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào áp dụng các điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ khoản 4 điều 147, khoản 2 điều 227, điều 271 và điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 điều 27 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân:

Xử cho bà Phạm Thị Thúy Hg được ly hôn với ông Trương Ngọc H.

2. Về nuôi con chung:

Giao con chung là cháu Trương Ngọc Huy Hg, sinh ngày 26 tháng 02 năm 2011 cho bà Phạm Thị Thúy Hg trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Trương Ngọc H không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) bà Phạm Thị Thúy Hg phải chịu. Nhưng được trừ vào 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí mà bà Hg đã nộp tại biên lai thu số 3449 ngày 02 tháng 7 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được trích sao bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *VKSND Q.Hải Châu;*
- *UBND phường T;*
- *CCTHADSQ.Hải Châu;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Khắc Tường

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Thanh Trà

Phạm Xoa

Phạm Khắc Tường

